

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 29 - 4- 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Thắng

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Lê Minh Chiêu

2. Bà Phạm Thị Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:***

Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 62/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2022 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị A, sinh năm 1999(Có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, Trại giam số 5, thị Trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 01 năm. Đăng ký kết hôn ngày 12/01/2018 tại UBND xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu tu chí làm ăn, chị và gia đình có khuyên giải nhưng có kết quả, nên dẫn đến

vợ chồng cãi nhau, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Đến năm 2020 anh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” bị Tòa án xét xử tù phải đi chấp hành án, cho nên tình cảm vợ chồng càng trở nên mâu thuẫn. Chị đã về mẹ đẻ ở từ tháng 8/2020 đến nay, thì thoảng chị có lên thăm anh T vài lần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Hoàng T K, sinh ngày 05/01/2017. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2022 anh Trần Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A kết hôn với nhau tự nguyện, có thời gian tìm hiểu được 3 năm rồi tổ chức cưới. Có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2018 tại UBND xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân nữa là do anh phạm tội phải đi chấp hành án, từ những nguyên nhân trên dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Từ khi anh đi chấp hành án năm 2020 chị A có lên thăm vài lần, từ tết năm 2022 đến nay chị A không lên thăm anh. Nay chị A làm đơn xin ly hôn. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình nghĩa vợ chồng đã hết, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng T K, sinh ngày 05/01/2017, đây chính xác là con anh có trước khi đăng ký kết hôn. Hiện nay, con đang ở với chị A. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh là phạm nhân nên không thể ra ngoài được. Vì vậy anh xin vắng mặt buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ buổi hòa giải và phiên tòa. Quan điểm anh đề nghị Tòa án giải quyết trong bản tự khai.

Tại phiên tòa: Anh T có đơn xin xử vắng mặt. Chị A vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí. Đề

ngiht TAND huyện Yên Định xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao cháu Hoàng T K cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

#### *{ 1} Về tố tụng:*

*1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị A và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

#### *1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Anh T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *{2} Về nội dung:*

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị A và anh T sống ly thân gần 02 năm nay, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị A xin ly hôn, về phía anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng T K, sinh ngày 05/01/2017. Nguyên vọng của chị A xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh T cũng đồng ý để chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị A chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, anh T cũng đồng ý, vì vậy HĐXX chấp nhận theo nguyên vọng của hai bên. Về cấp dưỡng nuôi con chị A và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị A và anh T không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

*Về án phí*: Chị A khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*:

*Về Hôn nhân*: Chấp nhận chị Lê Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn T.

*Về con chung*: Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng T K, sinh ngày 05/01/2017. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị A và anh T không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Chị A và anh T không có tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

*Về án phí*: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị A đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003417 ngày 24/3/2022. Chấp nhận A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo*: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị A trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh T vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND Định Bình, Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Thắng**